

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18-3-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chi;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nhòng;

Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Q, sinh năm 19xx; đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 19xx; đăng ký thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Xuyên Mộc, T345; địa chỉ: Xã S, huyện C, tỉnh Đ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đoàn Thị Q trình bày:

Chị Đoàn Thị Q và anh Nguyễn Văn N xây dựng gia đình với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tiên Lãng từ ngày 27/12/2018. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp; mặt khác do anh N ham chơi nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô xát, cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ

khoảng đầu năm 2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Tháng 9/2020, anh N phạm tội Chứa mại dâm và hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Xuyên Mộc T345, xã S, huyện C, tỉnh Đ. Nay nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có con chung và tài sản chung.

Tại bản tự khai ngày 17/01/2022, bị đơn là anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về thời gian, điều kiện vợ chồng xây dựng gia đình cũng như đăng ký kết hôn như chị Đoàn Thị Q trình bày là đúng thực tế. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm. Nay, chị Q xin ly hôn mặc dù anh vẫn còn tình cảm với chị Q, tuy nhiên anh chấp thuận ly hôn với chị Q.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có con chung và tài sản chung.

Trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải, công khai chứng và xét xử vụ án, do anh đang phải chấp hành hình phạt tù nên anh xin vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, xét xử vắng mặt bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Trình tự, thủ tục hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định, yêu cầu của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Q: Xử cho chị Q được ly hôn anh Nguyễn Văn N. Về con chung và tài sản chung: Anh chị không có con chung và tài sản chung, nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Đoàn Thị Q khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn N, đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay tại thôn T, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

[2] Bị đơn là anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng do anh N đang phải chấp hành hình tù tại trại giam nên đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn Thị Q và anh Nguyễn N được xác lập từ ngày 27/12/2018 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, mặt khác do anh N ham chơi nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ đầu năm 2020 đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay, chị Q xin ly hôn, anh N cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q, cho chị được ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung: Anh chị không có con chung và tài sản chung nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị Q phải chịu 300.000 đồng, án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về án phí: Chị Đoàn Thị Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Q đã nộp 300.000 đồng, tạm ứng án phí sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Chị Q đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, thông báo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã Đ, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Chi

